PHỤ LỤC 02
(Ban hành kèm theo TT 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài

UBND HUYỆN CỦ CHI
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Số: 1191/TB-TCKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 24 tháng 5 năm 2023

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022

Đơn vị được xét duyệt: Trường THCS Thị Trấn 2

Mã QHNS: 1035596 Chương: 622

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường THCS Thị Trấn 2 và Biên bản xét duyệt quyết toán ngày 22/05/2023 giữa Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và Trường THCS Thị Trấn 2;

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường THCS Thị Trấn 2như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí: Không có

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	:	**1.758.527.832**	**đồng**
° Nguồn 12	:	0	đồng
° Nguồn 13	:	205.440.750	đồng
° Nguồn 14 (TX)	:	436.571.500	đồng
° Nguồn 14 (KTX)	:	1.116.515.582	đồng
° Nguồn 15	:	0	đồng
- Dự toán được giao trong năm	:	**16.210.630.187**	**đồng**
Trong đó:	:		
+ Dự toán giao đầu năm	:	*13.452.248.000*	đồng
° Nguồn 12	:	1.186.674.000	đồng
° Nguồn 13	:	11.172.231.000	đồng
° Nguồn 14 (TX)	:	0	đồng
° Nguồn 14 (KTX)	:	1.093.343.000	đồng
° Nguồn 15	:	0	đồng

+ Dự toán bổ sung trong năm (bao gồm điều chỉnh)	:	*2.758.382.187*	đồng
° Nguồn 12	:	198.473.925	đồng
° Nguồn 13	:	600.520.047	đồng
° Nguồn 14 (TX)	:	0	đồng
° Nguồn 14 (KTX)	:	1.959.388.215	đồng
° Nguồn 15	:	0	đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm	:	**17.947.997.678**	**đồng**
° Nguồn 12	:	1.363.987.584	đồng
° Nguồn 13	:	11.978.191.797	đồng
° Nguồn 14 (TX)	:	436.571.500	đồng
° Nguồn 14 (KTX)	:	4.169.246.797	đồng
° Nguồn 15	:	0	đồng
- Kinh phí quyết toán	:	**17.947.997.678**	**đồng**
° Nguồn 12	:	1.363.987.584	đồng
° Nguồn 13	:	11.978.191.797	đồng
° Nguồn 14 (TX)	:	436.571.500	đồng
° Nguồn 14 (KTX)	:	4.169.246.797	đồng
° Nguồn 15	:	0	đồng
- Kinh phí giữ lại	:	**0**	**đồng**
° Nguồn 28 (KPTX)	:	0	đồng
° Nguồn 28 (KP KTX)	:	0	đồng
- Kinh phí hủy trong năm	:	**21.160.341**	**đồng**
° Nguồn 12	:	21.160.341	đồng
° Nguồn 15	:	0	đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán, bao gồm:	:	**0**	**đồng**
° Nguồn 12	:	0	đồng
° Nguồn 13	:	0	đồng
° Nguồn 14 (TX)	:	0	đồng
° Nguồn 14 (KTX)	:	0	đồng
° Nguồn 15	:	0	đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c ban hành kèm theo Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính đối với xét duyệt quyết toán từ năm ngân sách 2018)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính (Kiến nghị theo Thông báo xét duyệt quyết toán năm trước): **không có**

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

3.1 Đối với nguồn ngân sách: Đơn vị thực hiện chi đạt 99,88% so với dự toán (17.947.997.678 đồng/ 17.969.158.019 đồng).

Nguyên nhân không đạt 100% dự toán do:

- Nguồn kinh phí không thường xuyên hủy năm 2022, số tiền: 21.160.341 đồng. Trong đó:

+ Kinh phí trợ cấp giảng dạy đối với giáo viên dạy học sinh hòa nhập, khuyết tật, số tiền: 8.374.213 đồng do đơn vị chi theo số tiết dạy thực tế của giáo viên.

+ Kinh phí cấp bù hỗ trợ học phí cho học sinh, số tiền: 12.375.000 đồng do đơn vị thực hiện thanh toán theo số học sinh thực tế.

+ Kinh phí phụ trội, số tiền: 352.146 đồng do đơn vị thực hiện thanh toán theo số tiết thực tế.

+ Kinh phí sửa chữa, số tiền: 58.982 đồng do đơn vị thực hiện thanh toán theo thực tế.

3.2 Đối với nguồn sự nghiệp: Đơn vị thực hiện thu đạt 68 % so với dự toán (3.946.273.500 đồng /5.813.688.000 đồng).

Nguyên nhân thu không đạt 100% so với dự toán: Do ảnh hưởng tình hình của dịch Covid-19, số tháng thực học trong năm giảm so với kế hoạch đầu năm học làm ảnh hưởng đến số thu, tổng số thu giảm so với dự toán: 2.201.479.500 đồng. Tuy nhiên, đối với nguồn Nghề, Kỹ năng sống, Anh văn tăng cường, Anh văn tích hợp có số thu tăng so với dự toán là do thu bổ sung của năm học trước, tổng số thu tăng so với dự toán: 334.065.000. Nhìn chung, tổng số tiền giảm thu so với dự toán: 1.867.414.500 đồng. Cụ thể:

+ Học phí giảm thu	:	(101.292.500)	đồng
+ Hai buổi/ ngày giảm thu	:	(203.087.500)	đồng
+ Căn tin - Xe đạp giảm thu	:	(187.000.000)	đồng
+ Học Nghề tăng thu	:	25.900.000	đồng
+ Kỹ năng sống tăng thu	:	40.200.000	đồng
+ Bơi lội giảm thu	:	(38.150.000)	đồng
+ Trải nghiệm giảm thu	:	(90.000.000)	đồng
+ Anh văn bản ngữ giảm thu	:	(1.449.900.000)	đồng
+ Anh văn tăng cường tăng thu	:	57.720.000	đồng
+ Anh văn tích hợp tăng thu	:	163.215.000	đồng
+ Thiết bị bán trú tăng thu	:	47.030.000	đồng

+ Tổ chức phụ vụ bán trú giảm thu	:	(92.339.500)	đồng
+ Vệ sinh bán trú giảm thu	:	(39.710.000)	đồng
- Số dư năm 2021 chuyển sang	**:**	**2.239.536.039**	**đồng**
Trong đó:			
+ CCTL	:	1.632.742.182	đồng
+ Hoạt động	:	606.793.857	đồng
- Tổng thu trong năm	**:**	**3.946.273.500**	**đồng**
- Tổng chi trong năm 2022	**:**	**3.990.053.945**	**đồng**
Trong đó:	:		
+ Chi thực hiện CCTL	:	587.298.929	đồng
+ Chi nộp thuế	:	60.068.000	đồng
+ Chi hoạt động	:	2.242.147.016	đồng
+ Chi trích lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	:	467.729.500	đồng
+ Chi trích lập Quỹ phúc lợi	:	492.729.500	đồng
+ Chi trích lập Quỹ khen thưởng	:	55.027.000	đồng
+ Chi trích lập Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	:	85.054.000	đồng
- Số dư chuyển sang năm 2023	**:**	**2.195.755.594**	**đồng**
Trong đó:			
+ CCTL	:	1.727.669.611	đồng
+ Hoạt động	:	468.085.983	đồng

3.3 Về thực hiện cải cách tiền lương:

- Tổng nguồn cải cách tiền lương năm 2022	**:**	**6.920.786.837**	**đồng**
+ Năm 2021 chuyển sang 2022	:	3.185.829.264	đồng
° Nguồn CCTL từ Ngân sách (N 14 - TX)	:	436.571.500	đồng
° Nguồn CCTL từ Ngân sách (N 14 - KTX)	:	1.116.515.582	đồng
° Nguồn CCTL từ sự nghiệp (tại đơn vị)	:	1.632.742.182	đồng
+ 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2022	:	0	đồng
+ Bổ sung CCTL trong năm 2022	:	3.052.731.215	đồng
° Nguồn ngân sách (N 14 - TX)	:	0	đồng
° Nguồn ngân sách (N 14 - KTX)	:	3.052.731.215	đồng
+ 40% CCTL từ nguồn thu sự nghiệp năm 2022	:	682.226.358	đồng
° Trích trong năm	:	682.226.358	đồng
- Thực chi cải cách tiền lương năm 2022:	**:**	**5.193.117.226**	**đồng**

° Chi từ Nguồn CCTL Ngân sách	:	4.605.818.297	đồng
° Chi từ Nguồn CCTL tại đơn vị	:	587.298.929	đồng
+ Chi chênh lệch lương từ 1,210tr lên 1,490 tr	:	**2.298.349**	**đồng**
° Chi từ Nguồn CCTL Ngân sách (N 14 - TX)	:	2.298.349	đồng
° Chi từ Nguồn CCTL tại đơn vị	:	0	đồng
+ Chi thu nhập tăng thêm theo NQ03	:	**4.350.888.464**	**đồng**
° Chi từ Nguồn CCTL Ngân sách (N 14 - TX)	:	434.273.151	đồng
° Chi từ Nguồn CCTL Ngân sách (N 14 - KTX)	:	3.623.129.582	đồng
° Chi từ Nguồn CCTL tại đơn vị	:	293.485.731	đồng
+ Chi tinh giản biên chế	:	**839.930.413**	**đồng**
° Chi từ Nguồn CCTL Ngân sách (N 14 - TX)	:	0	đồng
° Chi từ Nguồn CCTL Ngân sách (N 14 - KTX)	:	546.117.215	đồng
° Chi từ Nguồn CCTL tại đơn vị	:	293.813.198	đồng
- Nguồn CCTL chuyển sang năm 2023	:	**1.727.669.611**	**đồng**
° Nguồn CCTL Ngân sách (N 14 - TX)	:	0	đồng
° Nguồn CCTL Ngân sách (N 14 - KTX)	:	0	đồng
° Nguồn CCTL từ sự nghiệp	:	1.727.669.611	đồng
Trong đó, nhiệm vụ chi thu nhập tăng thêm theo NQ 03/2018/NQ-HĐND năm 2022 nhưng chưa chi	:	1.277.341.746	đồng

3.4 Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: không có.

3.5 Về thực hiện trích lập và sử dụng các Quỹ: Trong năm, đơn vị thực hiện trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ như sau:

*** Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập:**

- Năm 2021 chuyển sang	:	147.468.187	đồng
- Thu trong năm 2022	:	928.988.291	đồng
- Chi trong năm 2022	:	804.871.291	đồng
- Tồn Quỹ cuối năm 2022	:	271.585.187	đồng

*** Quỹ phúc lợi:**

- Năm 2021 chuyển sang	:	146.959.638	đồng
- Thu trong năm 2022	:	953.988.291	đồng
- Chi trong năm 2022	:	845.119.391	đồng

- Tồn Quỹ cuối năm 2022 : 255.828.538 đồng

*** Quỹ khen thưởng:**

- Năm 2021 chuyển sang : 23.511.239 đồng
- Thu trong năm 2022 : 109.292.740 đồng
- Chi trong năm 2022 : 91.425.740 đồng
- Tồn Quỹ cuối năm 2022 : 41.378.239 đồng

*** Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp:**

- Năm 2021 chuyển sang : 57.111.454 đồng
- Thu trong năm 2022 : 193.585.480 đồng
- Chi trong năm 2022 : 123.119.058 đồng
- Tồn Quỹ cuối năm 2022 : 127.577.876 đồng

*** Lãi tiền gửi:**

- Năm 2021 chuyển sang : 155.984.453 đồng
- Thu trong năm 2022 : 61.521.311 đồng
- Chi trong năm 2022 : 45.933.958 đồng
- Tồn Quỹ cuối năm 2022 : 171.571.806 đồng

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm : 2.272.620.341 đồng

Trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính : 0 đồng
- Trích lập các Quỹ : 1.100.540.000 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương : 682.226.358 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b ban hành kèm theo Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính đối với xét duyệt quyết toán từ năm ngân sách 2018)

Ngoài số liệu báo cáo trên, đơn vị đảm bảo không còn nguồn thu nào khác để ngoài sổ sách.

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

1.1. Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán:

Đơn vị thực hiện đúng thời gian quy định

1.2. Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán:

+ Về danh mục báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán năm:

° Các biểu mẫu báo cáo quyết toán: Đơn vị thực hiện đầy đủ các biểu:

F01-01/BCQT (Báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ, để lại); B01/BCQT (Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động); B02/BCQT(Báo cáo thực hiện xử lý kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, tài chính); B03/BCQT (Thuyết minh báo cáo quyết toán) và có thuyết minh nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng/giảm so với dự toán được giao như: dự toán được chuyển số dư sang năm sau tiếp tục sử dụng.

° Các biểu mẫu báo cáo Tài chính: Đơn vị thực hiện đầy đủ các biểu: B01/BCTC (Báo cáo tình hình tài chính); B02/BCTC (Báo cáo kết quả hoạt động); B03a/BCTC (Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp); B04/BCTC (Thuyết minh báo cáo tài chính); B01/BSTT (Báo cáo bổ sung thông tin tài chính).

° Các biểu mẫu báo cáo khác: Đơn vị thực hiện đầy đủ các biểu: Mẫu 1b (Đối chiếu số liệu kết quả hoạt động); Mẫu biểu 1c (Phần I: Số liệu xét duyệt quyết toán chi ngân sách; Phần II: Chi tiết kinh phí quyết toán); Mẫu số 01 (Bảng tổng hợp nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu sự nghiệp); Mẫu số 02 (Bảng quyết toán kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 04/2022/NQ-HĐND); Mẫu số 03 (Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương và BHXH, BHYT, BHTN); Mẫu số 04 (Bảng tổng hợp trích quỹ và sử dụng các quỹ); Mẫu số 05 (Bảng tổng hợp dự toán nguồn ngân sách cấp trong năm); Mẫu số 06 (Bảng tổng hợp quyết toán chi ngân sách - kinh phí sự nghiệp giáo dục); Mẫu số 07 (Bảng đối chiếu chênh lệch tiền mặt giữa sổ kế toán và sổ quỹ tiền mặt); Bảng kê chứng từ thu; Bảng kê chứng từ chi.

+ Về sổ sách kế toán:

° Đơn vị đã thực hiện đầy đủ các sổ theo quy định:

S03-H: Sổ Cái (dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung);

S04-H: Sổ Nhật ký chung;

S05-H: Bảng cân đối số phát sinh;

S11-H: Sổ quỹ tiền mặt (Sổ tổng và sổ chi tiết các nguồn);

S12-H: Sổ tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc (chi tiết các nguồn);

S24-H: Sổ tài sản cố định;

S25-H: Thẻ tài sản cố định;

S26-H: Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng;

S31-H: Sổ chi tiết tài khoản, bao gồm các tài khoản: TK 531, TK 468, TK 431, TK 338, TK 333 và các tài khoản có liên quan (Sổ tổng và sổ chi tiết theo từng nguồn);

S51-H: Sổ chi tiết doanh thu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (mở sổ chi tiết

theo từng nguồn);

S61-H: Sổ chi tiết chi phí (mở sổ chi tiết theo từng nguồn);

S62-H: Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (mở sổ chi tiết theo từng nguồn);

S101-H: Sổ theo dõi dự toán từ nguồn NSNN trong nước.

1.3. Về ứng dụng phần mềm vào công tác quản lý:

+ Phần mềm IMAS : Đang sử dụng phần mềm 12.2.4.1

+ Phần mềm quản lý tài sản : Đang sử dụng phần mềm QLTS.R.2.0

1.4. Về chấp hành các quy định của Nhà nước như:

*** Về lập và phân bổ dự toán**: Đơn vị lập dự toán đầy đủ so với kinh phí ngân sách giao đầu năm, bổ sung và từ nguồn thu của đơn vị.

*** Về mua sắm, sửa chữa tài sản:**

Kiểm tra ngẫu nhiên giấy rút dự toán số GRDT/66 ngày 16/05/2022, nội dung chuyển thanh toán tiền mua vật tư sửa chữa điện nhà vệ sinh, phòng chức năng, phòng học theo hóa đơn số 21 ngày 06/5/2022, số tiền: 16.741.450 đồng, chứng từ gồm có: Bảng đề xuất mua sắm, giấy đề nghị thanh toán, Hóa đơn bán hàng số 21 ngày 06/5/2022; 03 Bảng báo giá, Hợp đồng mua bán số 584/2022/HĐMB ngày 22/4/2022, Biên bản nghiệm thu và giao nhận hàng hóa giữa trường THCS Thị trấn 2 và Tiệm điện Thái Sơn ngày 22/4/2022, Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua vật tư ngành điện ngày 22/4/2022. Qua kiểm tra nhận thấy đơn vị thực hiện mua sắm, sửa chữa tài sản theo đúng quy định tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính và Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật đấu thầu.

*** Về quản lý và sử dụng tài sản:**

Đơn vị có lập báo cáo tình hình tăng giảm TSCĐ, thực hiện kiểm kê tài sản cố định và công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng gồm: Quyết định thành lập ban kiểm kê tài sản, Biên bản kiểm kê TSCĐ, công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng thời điểm 31/12/2022. Qua kiểm tra nhận thấy đơn vị có mở sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ dụng cụ, có báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản theo mẫu quy định.

*** Về việc trích nộp bảo hiểm theo quy định:**

Căn cứ vào Thông báo của Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi, cuối năm đơn vị không nợ các khoản bảo hiểm đối với Cơ quan BHXH huyện Củ Chi.

*** Về chế độ chi tiêu:**

° Nguồn ngân sách:

Đơn vị có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện chi theo đúng quy chế. Các khoản chi được thủ trưởng đơn vị phê duyệt và Kho bạc nhà nước (cơ quan kiểm soát chi) chấp nhận thanh toán. Qua kiểm tra ngẫu nhiên, nhận thấy:

- Đối với nội dung chi hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh nghèo theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: Kiểm tra ngẫu nhiên giấy rút dự toán số T0083 ngày 26/10/2022, nội dung rút tiền hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh nghèo năm học 2021-2022 (T9/2021-T05//2022), số tiền: 43.650.000 đồng, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số 01 ngày 30/11/2022, số tiền: 43.650.000 đồng. Chứng từ kèm theo gồm: Phiếu thu; Phiếu chi; Bảng kê nội dung thanh toán kèm danh sách học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ chi phí học tập có ký nhận danh sách đầy đủ, Quyết định về việc phê duyệt danh sách học sinh hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập năm học 2021-2022. Qua kiểm tra nhận thấy, đơn vị có mở sổ quỹ tiền mặt theo dõi số tiền rút nhập quỹ và tiền chi ra, đồng thời đơn vị đã thực hiện chi trả đúng định mức, đối tượng quy định.

- Đối với nội dung chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022:

+ Căn cứ các văn bản hướng dẫn: Công văn số 2980/UBND-VX ngày 22/7/2019 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 03/9//2019 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 4634/UBND-VX ngày 08/11/2019 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn thực hiện Quy định đánh giá, phân loại hàng quý để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trong năm 2022, đơn vị thực hiện chi Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND cho giáo viên, viên chức với tổng số tiền: 4.350.888.464 đồng, trong đó: chi từ ngân sách số tiền: 4.057.402.733 đồng và chi từ sự nghiệp số tiền: 293.485.731 đồng. Đồng thời, đơn vị thực hiện chia sẻ thu nhập tăng thêm cho hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, số tiền: 36.000.000 đồng từ Quỹ Bổ sung thu nhập.

+ Kiểm tra ngẫu nhiên giấy rút dự toán số GRDT/179 ngày 03/11/2022 nội dung chi tiền thu nhập tăng thêm cho giáo viên, nhân viên quý 3/2022 theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của HĐND Thành phố, số tiền: 1.006.408.107 đồng. Chứng từ gồm: Bảng thanh toán thu nhập tăng thêm từ tháng 7 đến tháng 09/2022, Bảng thanh toán thu nhập tăng thêm theo từng tháng 07, 08, 09/2022; Bảng thanh toán thu nhập tăng thêm theo từng tháng (tháng 7, 8, 9/2022); Quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức quý III/2022; Bảng chấm công dành cho giáo viên – nhân viên theo từng tháng có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị, Kế hoạch công tác

tháng 7, 8/2022, Quyết định về việc phân công chuyên môn, phân công nhiệm vụ năm học 2022-2023, Thời khóa biểu năm học 2022-2023 của từng giáo viên cập nhật khi có sự thay đổi. Qua kiểm tra chứng từ nhận thấy đơn vị thực hiện thanh toán đúng đối tượng theo Công văn số 2980/UBND-VX ngày 22/7/2019 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Đồng thời trong thời gian nghỉ hè, Hiệu trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trong việc thực hiện phân công chuyên môn và chấm công của cán bộ, giáo viên, công nhân viên tại đơn vị.

+ Ngoài ra, nhu cầu thực hiện chi Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND Quý 4/2022 của cán bộ, giáo viên, công nhân viên tại đơn vị với tổng số tiền: 1.603.539.854 đồng. Trong đó, trường đã thực hiện chi từ nguồn ngân sách, số tiền: 326.204.508 đồng trong thời gian chỉnh lý quyết toán niên độ năm 2022 (Nguồn 14 – KTX, số tiền: 326.204.508 đồng theo Giấy rút dự toán số GRDT/235 ngày 06/01/2023); số chi Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND Quý 4/2022 còn phải chi với số tiền: 1.277.335.346 đồng đơn vị thực hiện cân đối chi từ nguồn sự nghiệp trong niên độ năm 2023 (theo Ủy nhiệm chi số 0026 ngày 06/01/2023, số tiền: 834.289.694 đồng, Ủy nhiệm chi số UNC/2 ngày 06/01/2023, số tiền: 358.390.576 đồng, Phiếu chi số C00/34CT ngày 19/01/2023, số tiền: 84.655.076 đồng).

- Đối với nội dung chi giáo viên dạy học sinh khuyết tật: Kiểm tra Giấy rút dự toán số GRDT/236 ngày 06/01/2023 (thời gian chỉnh lý), nội dung chuyển tiền phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật học kỳ I năm học 2022-2023 (từ tháng 9 đến tháng 12/2022), số tiền: 116.459.853 đồng. Chứng từ kèm theo gồm: Bảng tổng hợp số tiết phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật học hòa nhập học kỳ I năm học 2022-2023; Bảng chấm công và tính tiết dạy thực tế của giáo viên tham gia dạy học sinh khuyết tật học hòa nhập học kỳ 1 năm học 2022-2023; Bảng phân công chuyên môn theo học kỳ và cập nhật khi có sự thay đổi; Bảng tính tiền lương 01 giờ dạy của giáo viên năm học 2022-2023.; Thời khóa biểu từng lớp và cập nhật khi có sự thay đổi. Qua kiểm tra nhận thấy đơn vị thực hiện thanh toán đúng đối tượng theo Công văn số 5601/UBND-VX ngày 31/12/2018 của UBND Thành phố.

- Đối với nội dung chi dạy thêm giờ cho giáo viên năm học 2021-2022: Kiểm tra ngẫu nhiên giấy rút dự toán số GRDT/97 ngày 06/7/2022 nội dung thanh toán tiền dạy thêm giờ cho giáo viên từ tháng 09/2021 đến tháng 05/2022, số tiền: 152.839.425 đồng, Giấy nộp tiền ngày 28/12/2022 nội dung nộp hoàn tiền phụ trội năm học 2021-2022 do rút thừa, số tiền: 352.146 đồng, Chứng từ kèm theo gồm: Bảng kê chi tiền phụ trội dư giờ của giáo viên năm học 2021-2022, Bảng tổng hợp số tiết phụ trội dư giờ theo kế hoạch thời gian thực hiện chương trình năm học 2021-2022, Bảng tính số tiết dạy thực tế, số tiết phụ trội của từng giáo viên năm học 2021-

2022, Bảng tính tiền lương 01 giờ dạy của giáo viên năm học 2021-2022; Bảng phân công chuyên môn năm học 2021-2022, thời khóa biểu học kỳ I, học kỳ II năm học 2021-2022 cập nhật khi có sự thay đổi. Qua kiểm tra nhận thấy đơn vị đã thực hiện chi trả đúng đối tượng theo quy định.

- Kiểm tra giấy rút dự toán số GRDT/121 ngày 09/8/2022 nội dung chuyển BHXH, BHYT, BHTT cho biên chế tháng 8/2022, số tiền: 175.672.757 đồng. Chứng từ kèm theo gồm: Bảng kê trích nộp các khoản theo lương tháng 8/2022. Qua kiểm tra nhận thấy đơn vị thực hiện trích đủ và chuyển thanh toán đầy đủ, kịp thời cho cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi.

- Kiểm tra giấy rút dự toán số GRDT/63 ngày 16 tháng 5 năm 2022 nội dung chuyển tiền khám sức khỏe học sinh năm học 2021-2022 theo Hóa đơn số 79 ngày 18/04/2022, số tiền 19.368.000 đồng. Chứng từ kèm theo gồm: Hợp đồng khám sức khỏe ngày 28/3/2022, Biên bản nghiệm thu và thanh lý ngày 16/4/2022, Hóa đơn giá trị gia tăng số 79 ngày 18/4/2022. Qua kiểm tra nhận thấy đơn vị thực hiện chi theo thực tế phát sinh, đúng quy định.

- Kiểm tra ngẫu nhiên chứng từ chi theo Giấy rút dự toán số 38 ngày 05/04/2022 và Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách số 07/2022 trong đó thanh toán tiền truy nâng lương trước niên hạn từ tháng 03/2021 đến tháng 12/2021 cho giáo viên, tổng số tiền: 2.298.349 đồng. Qua kiểm tra ghi nhận, đơn vị thực hiện chi truy chênh lệch lương tối thiểu từ 1.210.000 đồng lên 1.490.000 đồng do nâng lương trước niên hạn và các khoản đóng góp theo lương từ tháng 03/2021 đến tháng 12/2021 từ nguồn cải cách tiền lương (Nguồn 14) số tiền: 2.298.349 đồng là chưa đúng tính chất nguồn. Vì kinh phí truy nâng lương trước niên hạn năm 2022 của đơn vị đã được Ủy ban nhân dân huyện bổ sung kinh phí theo mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng từ nguồn kinh phí thường xuyên (Nguồn 13) tại Quyết định số 16653/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 với số tiền là 18.114.000 đồng.

° Nguồn sự nghiệp:

- Về chứng từ thu: Đơn vị vừa thực hiện thu tiền mặt tại trường vừa thu tiền thông qua kênh thu hộ từ phần mềm SSC (thu qua ngân hàng, thu qua ví điện tử, thu qua cửa hàng thu hộ…..) nhằm hưởng ứng việc thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng hóa đơn điện tử để thu tiền học phí và các khoản thu khác.

- Về quản lý nguồn thu: Đơn vị hạch toán số thu kịp thời vào sổ quỹ tiền mặt và sổ tiền gửi ngân hàng, kho bạc. Đối với nguồn thu học phí, đơn vị thực hiện nộp vào kho bạc đúng quy định. Các nguồn thu khác, đơn vị gửi vào tài khoản ngân hàng để theo dõi, tài khoản ngân hàng do Hiệu trưởng làm chủ tài khoản và thực hiện thu chi theo đúng quy định. Đơn vị có phân công người thu tiền trực tiếp (Thủ quỹ).

- Về quản lý quỹ: Đơn vị theo dõi, quản lý quỹ tiền mặt tại đơn vị và tiền gửi ngân hàng, kho bạc. Hàng tháng, kế toán và thủ quỹ có thực hiện đối chiếu và có xác

nhận của thủ trưởng đơn vị trên sổ quỹ tiền mặt, có biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt hàng tháng theo quy định. Theo báo cáo của đơn vị, quỹ tiền mặt tồn tại đơn vị đến ngày 31/12/2022 là 248.012.083 đồng.

- Đối với dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước để bù học phí theo các chế độ quy định, đơn vị đã thực hiện rút dự toán và nhập vào nguồn thu sự nghiệp để thực hiện nhiệm vụ chi và trích cải cách tiền lương theo quy định như: Kinh phí cho các đối tượng miễn giảm học phí học sinh thuộc hộ nghèo, học sinh dân tộc thiểu số theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; kinh phí cấp bù học phí theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021; kinh phí về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021.

- Nguồn học phí:

+ Kiểm tra ngẫu nhiên Ủy nhiệm chi số UNC/4HP ngày 22/03/2022 nội dung thanh toán tiền thuê xe chở học sinh đi thi bồi dưỡng học sinh giỏi, số tiền: 1.296.000 đồng theo Hóa đơn số 00000057 ngày 10/03/2022. Qua kiểm tra nhận thấy, đơn vị thực hiện thanh toán theo thực tế phát sinh.

+ Kiểm tra ngẫu nhiên Ủy nhiệm chi số UNC/25 ngày 30/12/2022 nội dung chuyển tiền thanh toán các khoản cho giáo viên, tổng số tiền: 2.092.680 đồng. Trong đó, chuyển toán tiền phụ cấp ưu đãi y tế tháng 12/2022, số tiền: 792.680 đồng (20% theo lương hệ số); chuyển tiền hỗ trợ phụ cấp nhóm trưởng giám thị tháng 12/2022, số tiền: 250.000 đồng (250.000 đồng/tháng); chuyển tiền giáo viên kiêm nhiệm công tác phổ cập tháng 12/2022, số tiền: 150.000 đồng (150.000 đồng/tháng); chuyển tiền hỗ trợ giáo viên dẫn chương trình các ngày lễ năm 2022, số tiền: 500.000 đồng (100.000 đồng/lần); chuyển tiền giáo viên hướng dẫn học sinh thi đấu giải thể thao học sinh cấp huyện, số tiền: 200.000 đồng (50.000 đồng/người/buổi); chuyển tiền giáo viên thể dục hướng dẫn học sinh tập luyện thể thao học sinh, số tiền: 200.000 đồng (50.000 đồng/tiết). Qua kiểm tra nhận thấy, đơn vị thực hiện thanh toán theo quy chế, đúng chế độ, định mức kèm theo Bảng kê chi tiền, Kế hoạch huấn luyện.

- Nguồn tổ chức học 2 buổi/ngày:

+ Kiểm tra ngẫu nhiên Phiếu chi số C0114/2B ngày 05/04/2022 nội dung thanh toán tiền cho giáo viên dạy hai buổi tháng 02/2022, số tiền: 19.020.000 đồng. Qua kiểm tra ghi nhận đơn vị thực hiện thanh toán theo quy chế với định mức 60.000 đồng/tiết kèm theo Bảng kê chi tiền hai buổi tháng 02/2022; Bảng tính số tiết hai buổi, tăng cường Tiếng anh, Tin học tháng 02/2022.

+ Kiểm tra ngẫu nhiên Phiếu chi số C297/2B ngày 24/10/2022 nội dung chi giáo viên phụ trách lập bảng kê hai buổi tháng 09/2022, số tiền: 200.000 đồng, kèm bảng kê chi tiền. Qua kiểm tra ghi nhận đơn vị thực hiện chi theo quy chế với định mức 200.000 đồng/tháng.

- Nguồn Phổ cập bơi: Kiểm tra ngẫu nhiên Ủy nhiệm chi số 53082 ngày 07/10/2022 nội dung thanh toán tiền phổ cập bơi cho học sinh, số tiền: 11.850.000 đồng theo Hóa đơn số 4 ngày 30/09/2022. Chứng từ kèm theo Hợp đồng huấn luyện bơi lội số 2007/HĐ-DBNQ ngày 20/07/2022, Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/08/2022. Qua kiểm tra ghi nhận, đơn vị thanh toán theo số học sinh thực tế tham gia khóa học với định mức 150.000 đồng/học sinh.

- Nguồn Giáo dục Kỹ năng sống:

+ Kiểm tra nội dung xác định chênh lệch thu, chi: Cuối năm, đơn vị xác định chênh lệch thu, chi, số tiền: 5.585.600 đồng. Qua kiểm tra ghi nhận, đơn vị chưa thực hiện nhiệm vụ chi của năm 2022 với số tiền: 5.010.000 đồng (chi thanh toán tiền quản lý kỹ năng sống học kỳ I năm học 2022 – 2023). Do đó, sau khi trừ số phải chi thực hiện nhiệm vụ chi của năm 2022, số tiền: 5.010.000 đồng đơn vị phải thực hiện trích cải cách tiền lương từ nguồn thu Kỹ năng sống theo quy định với số tiền: 230.240 đồng.

+ Kiểm tra ngẫu nhiên Phiếu chi số C249/KNS ngày 24/10/2022 nội dung chi hoàn trả tiền kỹ năng sống cho học sinh Nguyễn Thị Trà My – lớp 6/5, số tiền: 240.000 đồng. Qua kiểm tra nhận thấy, đơn vị thực hiện thu theo số học sinh tham khóa học, Danh sách hoàn trả có ký nhận đầy đủ của học sinh và đơn vị thực hiện hạch toán giảm trừ doanh thu theo đúng quy định.

- Nguồn học nghề:

+ Kiểm tra nội dung xác định chênh lệch thu, chi: Cuối năm, đơn vị xác định chênh lệch thu, chi, số tiền: 46.216.300 đồng. Qua kiểm tra ghi nhận, đơn vị chưa thực hiện nhiệm vụ chi của năm 2022 với tổng số tiền: 25.375.000 đồng. Trong đó, chi giáo viên dạy nghề THCS năm học 2022-2023, số tiền: 15.145.000 đồng; chi tiền quản lý công tác nghề năm học 2022-2023, số tiền: 2.330.000 đồng; chi hoàn trả cho học sinh, số tiền: 7.900.000 đồng. Do đó, sau khi trừ số phải chi thực hiện nhiệm vụ chi của năm 2022: 25.375.000 đồng thì số phải thực hiện trích cải cách tiền lương từ nguồn thu Học nghề theo quy định là 8.336.520 đồng.

+ Kiểm tra ngẫu nhiên Phiếu chi số C359/NGHE ngày 16/11/2022 nội dung chi hoàn trả tiền học nghề năm học 2022 – 2023 cho học sinh, số tiền: 200.000 đồng. Qua kiểm tra nhận thấy, đơn vị thực hiện thu theo số học sinh tham khóa học, Danh sách hoàn trả có ký nhận đầy đủ của học sinh và đơn vị thực hiện hạch toán giảm trừ doanh thu theo đúng quy định.

- Nguồn Anh văn tích hợp:

+ Kiểm tra ngẫu nhiên Phiếu chi số C048/AVTH ngày 15/02/2022 nội dung thanh toán tiền công tác quản lý lớp Tích hợp lớp 7, 8, 9 (đợt 2) năm học 2021 – 2022, tổng số tiền: 29.379.429 đồng. Qua kiểm tra ghi nhận, đơn vị thực hiện thanh toán theo quy chế với định mức 25,32% trên tổng thu. Trong đó, Hiệu trưởng: 6,64% trên tổng thu, số tiền: 7.704.558 đồng, Phó Hiệu trưởng: 6% trên tổng thu (02 người), số tiền: 13.923.900 đồng, Thủ quỹ: 3,34% trên tổng thu, số tiền: 3.875.486 đồng, Kế toán: 3,34% trên tổng thu, số tiền: 3.875.486 đồng.

+ Kiểm tra ngẫu nhiên Ủy nhiệm chi số UNC/3AVTH ngày 29/03/2022 nội dung thanh toán tiền gắn hệ thống webcam cho các lớp tích hợp, số tiền: 23.100.000 đồng. Chứng từ kèm theo gồm: Giấy đề nghị thanh toán; Hóa đơn số 23 ngày 29/03/2022; Hợp đồng sửa chữa số 03/CCTB-2022 ngày 07/03/2022; Biên bản nghiệm thu và bàn giao ngày 29/03/2022; Bản thanh lý hợp đồng ngày 29/03/2022; Bảng báo giá. Qua kiểm tra ghi nhận, đơn vị thực hiện thanh toán theo nhu cầu thực tế phát sinh, tuy nhiên các thiết bị cung cấp này là mua mới nhưng trên Hợp đồng ghi là "Hợp đồng sửa chữa" là không đúng quy định.

- Nguồn Anh văn bản ngữ: Kiểm tra ngẫu nhiên Ủy nhiệm chi số UNC/3/11AVBN ngày 11/11/2022 nội dung thanh toán tiền giáo viên dạy Anh văn bản ngữ tháng 09/2022 + tháng 10/2022, số tiền: 393.120.000 đồng. Qua kiểm tra ghi nhận, đơn vị thực hiện thanh toán cho Trung tâm theo quy chế với định mức 78% trên tổng thu với số học sinh thực tế tham gia học, kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000012 ngày 07/11/2022, số tiền: 196.560.000 đồng và Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000014 ngày 10/11/2022, số tiền: 196.560.000 đồng.

- Nguồn Anh tăng cường: Kiểm tra ngẫu nhiên Phiếu chi số C0108/AVTC ngày 05/04/2022 nội dung chi giáo viên dạy Anh văn tăng cường tháng 10/2021, số tiền: 6.480.000 đồng. Qua kiểm tra ghi nhận, đơn vị thực hiện thanh toán theo quy chế với định mức 60.000 đồng/tiết.

- Nguồn Thiết bị vật dụng bán trú: Kiểm tra ngẫu nhiên Ủy nhiệm chi số 52091 ngày 21/09/2022 nội dung chuyển tiền mua ghế ngồi cho học sinh bán trú, số tiền: 6.000.000 đồng theo Hóa đơn số 167 ngày 14/09/2022. Qua kiểm tra ghi nhận, đơn vị thực hiện thanh toán thực tế phát sinh, đúng mục đích nguồn thu, chứng từ theo quy định.

° Nguồn thu hộ - chi hộ:

- Nguồn nước uống học sinh: Kiểm tra ngẫu nhiên Ủy nhiệm chi số 0112 ngày 22/04/2022 nội dung chi tiền nước uống cho học sinh tháng 03/2022 theo Hóa đơn số 101 ngày 19/04/2022, số tiền: 14.418.000 đồng. Qua kiểm tra nhận thấy, đơn vị thực hiện thanh toán theo thực tế phát sinh, thực hiện theo đúng mục đích nguồn thu, thu chi đúng quy định. Tuy nhiên, qua kiểm tra sổ kế toán, thời điểm kết thúc năm học, nguồn thu nước uống học sinh còn tồn rất nhiều với

số tiền: 132.077.622 đồng. Nhận thấy, đây là nguồn thu hộ chi hộ, thu đủ bù chi, vào cuối năm học nếu số tiền còn tồn nhiều thì đơn vị phải thực hiện hoàn trả cho học sinh.

- Nguồn Đề thi giấy thi: Kiểm tra ngẫu nhiên Phiếu chi số C364/DTGD ngày 18/11/2022 nội dung thanh toán tiền mua giấy thi, số tiền: 6.500.000 đồng theo Hóa đơn số 24 ngày 09/11/2022. Qua kiểm tra nhận thấy, đơn vị thực hiện theo đúng mục đích nguồn thu, chứng từ chi đúng quy định. Tuy nhiên, qua kiểm tra sổ kế toán, thời điểm kết thúc năm học, nguồn thu Đề thi giấy thi còn tồn rất nhiều với số tiền: 149.027.526 đồng. Nhận thấy, đây là nguồn thu hộ chi hộ, thu đủ bù chi, vào cuối năm học nếu số tiền còn tồn nhiều thì đơn vị phải thực hiện hoàn trả cho học sinh.

- Nguồn Tiền ăn bán trú: Kiểm tra ngẫu nhiên Ủy nhiệm chi số 4146 ngày 02/11/2022 nội dung thanh toán tiền ăn từ ngày 03/10/2022 đến 11/10/2022, số tiền 153.930.000 đồng. Đơn vị thực hiện thanh toán theo suất ăn thực tế phát sinh, chứng từ chi theo Hóa đơn số 00000382 ngày 31/10/2022, số tiền: 153.930.000 đồng kèm bảng xác nhận số suất ăn hàng ngày.

1.5. Chế độ công khai tài chính:

- Công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính: Đơn vị đã thực hiện các biểu mẫu công khai gồm: Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công (09a-CK/TSC); Công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (09b-CK/TSC); Công khai tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và tài sản cố định khác (09c-CK/TSC); Công khai tình hình xử lý tài sản công (09d-CK/TSC); Công khai tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công (09đ-CK/TSC).

- Nội dung công khai tài chính: Đơn vị đã thực hiện các biểu như sau: Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 (Biểu số 2), Công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý (6 tháng/cả năm) (Biểu số 3); Quyết toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2022 (Biểu số 4), Công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý (6 tháng/cả năm) (Biểu số 7) theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

- Hình thức công khai: Đơn vị thực hiện công khai niêm yết tại trụ sở làm việc của đơn vị và thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định tại điều 5 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017.

1.6. Về việc thực hiện kê khai và nộp thuế đối với nguồn thu dịch vụ:

Trong năm, đơn vị có thực hiện kê khai và nộp thuế theo quy định với số

tiền đã nộp trong năm: 38.300.000 đồng theo Phiếu chi số C459/CT ngày 28/12/2022 (Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 28/12/2022). Cụ thể: Thuế GTGT, số tiền: 18.650.000 đồng; Thuế TNDN, số tiền: 18.650.000 đồng; Thuế Môn bài, số tiền: 1.000.000 đồng.

Ngoài ra, đơn vị thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với các nguồn thu khác, cụ thể:

- Đối với nguồn thu Anh văn bản ngữ: đơn vị đã thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên doanh thu, số tiền: 19.764.000 đồng (Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 30/12/2022).

- Đối với nguồn thu Kỹ năng sống: đơn vị đã thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên doanh thu, số tiền: 2.004.000 đồng (Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 30/12/2022).

1.7. Về việc thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân:

Trong năm 2022, đơn vị có thực hiện kê khai thu nhập cá nhân cho 77 cán bộ công chức, viên chức và người lao động tại đơn vị theo quy định, trong đó có 22/77 trường hợp phải chịu thuế và đã nộp thuế thu nhập cá nhân với số tiền: 22.154.570 đồng theo quy định (Giấy nộp tiền vào NSNN ngày 28/03/2023).

1.8. Về hạch toán thu, chi, mục lục ngân sách nhà nước:

Đơn vị hạch toán các khoản thu, chi theo đúng mục lục ngân sách nhà nước và niên độ ngân sách; khớp đúng giữa số liệu trong sổ kế toán và báo cáo quyết toán với chứng từ và số liệu xác nhận của Kho bạc Nhà nước. Tuy nhiên, đối với nội dung chi truy chênh lệch lương tối thiểu từ 1.210.000 đồng lên 1.490.000 đồng do nâng lương trước niên hạn từ tháng 03/2021 đến tháng 12/2021 cho giáo viên, số tiền 2.298.349 đồng đồng từ nguồn cải cách tiền lương (Nguồn 14) là chưa đúng nguồn quy định.

1.9 Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính (Kiến nghị theo Thông báo Quyết toán năm trước): không có

2. Kiến nghị:

Qua kết quả kiểm tra nêu trên, đề nghị đơn vị phát huy những mặt đã đạt được trong quá trình quản lý và điều hành công tác tài chính tại đơn vị, đồng thời đề nghị đơn vị tiếp tục thực hiện các nội dung, cụ thể:

- Đối với nội dung chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022: Trong thời gian nghỉ hè, Hiệu trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trong việc thực hiện phân công chuyên môn và chấm công của cán bộ, giáo viên, công nhân viên tại đơn vị.

- Đối với nội dung chi truy chênh lệch lương tối thiểu từ 1.210.000 đồng lên 1.490.000 đồng do nâng lương trước niên hạn và các khoản trích theo lương từ tháng 03/2021 đến tháng 12/2021 cho giáo viên, số tiền: 2.298.349 đồng từ nguồn cải cách tiền lương (Nguồn 14): Đề nghị đơn vị thu hồi và nộp hoàn ngân sách nhà nước do chi sai nguồn số tiền: 2.298.349 đồng. Đồng thời thực hiện chi đúng nguồn kinh phí theo quy định (Nguồn 13).

- Đối với nội dung xác định chênh lệch thu, chi, số tiền chênh lệch sau khi thực hiện nhiệm vụ chi của năm 2022 của nguồn thu Kỹ năng sống: Đề nghị đơn vị thực hiện trích cải cách tiền lương từ nguồn thu Kỹ năng sống theo quy định với số tiền phải trích: 230.240 đồng. Thời gian thực hiện trong niên độ năm 2023.

- Đối với nội dung xác định chênh lệch thu, chi, số tiền chênh lệch sau khi thực hiện nhiệm vụ chi của năm 2022 của nguồn thu học nghề: Đề nghị đơn vị thực hiện trích cải cách tiền lương từ nguồn thu Học nghề theo quy định với số tiền phải trích: 8.336.520 đồng. Thời gian thực hiện trong niên độ năm 2023.

- Đối với nguồn nước uống học sinh và nguồn Đề thi giấy thi: Đề nghị đơn vị có kế hoạch thu đủ bù chi cho năm học tiếp theo, không để tồn nhiều vào cuối năm học. Trường hợp tồn nhiều phải thực hiện hoàn trả lại cho học sinh vì đây là nguồn mang tính chất thu hộ chi hộ trong năm học.

Do thời gian thẩm tra, xét duyệt quyết toán đối với đơn vị theo kế hoạch có hạn nên Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện đề nghị thủ trưởng đơn vị tiếp tục căn cứ các văn bản quy định do Phòng Tài chính- Kế hoạch triển khai, hướng dẫn nhất là đối với nội dung đã đề nghị đơn vị chấn chỉnh qua công tác kiểm toán, thanh tra, quyết toán của năm trước và công tác giao ban tài chính hàng năm của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện liên quan đến công tác quản lý tài chính, tài sản tại đơn vị để chỉ đạo kế toán rà soát, tự chấn chỉnh theo đúng quy định. Thủ trưởng đơn vị phải tự chịu trách nhiệm đối với những nội dung chi do mình quyết định và thực hiện công khai, minh bạch, sự thống nhất trong tập thể đảm bảo thực hiện đúng cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập./.

Nơi nhận:
- Trường THCS Thị Trấn 2;
- Kho bạc Nhà nước Củ Chi;
- Lưu: VT, PTCKH.2.BNTAn.4.

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Đẹp